

Bản án số: 267/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23/6/2025

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yên

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Bà Dương Thị Kim Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 185/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/5/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 187/2025/QĐH-HNGĐ ngày 02/6/2025 giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1980.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh Thôn N, xã A, thành phố H, tỉnh Hải Dương;  
Địa chỉ hiện nay: Đài Loan

Người được chị M ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng: Chị Vũ Thị C, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1974.

Địa chỉ : Thôn N, xã A, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

(Chị M đề nghị giải quyết vắng mặt, anh L được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt - Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị M và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N (nay là UBND xã A, thành phố H), tỉnh Hải Dương ngày 22/12/1999. Sau khi kết hôn, chị M về sống cùng gia đình anh L tại xã A, thành phố H, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 chị M đi lao động tại Đài Loan để phát triển kinh tế gia đình, anh L ở lại làm

việc và chăm sóc các con. Do vợ chồng sống xa cách thời gian dài, từ năm 2022 vợ chồng thường xuyên cãi vã, không liên lạc, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung : Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thành T, sinh năm 2000 và Nguyễn Thu T1, sinh năm 2004 ; hiện hai con đã trưởng thành, chị M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn và các chi phí tố tụng khác: Chị M đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã nhiều lần trực tiếp đến gia đình anh Nguyễn Văn L tại địa chỉ xã A, thành phố H nhưng anh L không có nhà. Qua xác minh tại địa phương xác định hiện anh L đi làm công nhân, thi thoảng anh L về thăm gia đình.

Tòa án tiến hành xác minh thông qua gia đình L là bà Đỗ Thị Ú, sinh năm 1947, địa chỉ: Thôn N, xã A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Bà Ú cho biết bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn L, anh hiện đang làm công ty tại Hà Nội, thi thoảng cuối tuần anh L về nhà. Điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh L như chị M trình bày là đúng. Năm 2015, chị M đi lao động tại Đài Loan, thi thoảng chị M về nhà thời gian ngắn, vợ chồng không tin tưởng về tình cảm dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Đến nay, chị M xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì đó là việc cá nhân của chị M, anh L, bà không liên quan.

Về con chung: Chị M và anh L có 02 con chung là Nguyễn Thành T, sinh năm 2000 và Nguyễn Thu T1, sinh năm 2004 ; hiện hai cháu đã trưởng thành, lập gia đình.

Về tài sản, công nợ chung: Chị M không yêu cầu giải quyết, anh L nhất trí.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn L. Về con chung, chị M và anh L có 02 con chung là Nguyễn Thành T, sinh năm 2000 và Nguyễn Thu T1, sinh năm 2004 ; hiện hai cháu đã trưởng thành, đề nghị HĐXX

không giải quyết; về tài sản, chung nợ chung, chị M, anh L không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không giải quyết. Chị M phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1.1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan; nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại: Thôn N, xã A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn chị M vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn anh L được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị M và anh L tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N (nay là UBND xã A, thành phố H), tỉnh Hải Dương ngày 22/12/1999 nên là hôn nhân hợp pháp.

Chị M trình bày sau khi kết hôn, chị M về sinh sống cùng gia đình anh L tại xã A, thành phố H, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 chị M đi lao động tại Đài Loan để phát triển kinh tế gia đình, anh L ở lại làm việc và chăm sóc các con. Do vợ chồng sống xa cách thời gian dài, từ năm 2022 vợ chồng thường xuyên cãi vã, không liên lạc, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L. Qua xác minh tại gia đình anh L, mẹ đẻ anh L xác định vợ chồng chị M, anh L có nhiều mâu thuẫn, bất đồng, vợ chồng sống xa cách thời gian dài nên không tin tưởng về tình cảm; chị M có nguyện vọng ly hôn, đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị M và anh L đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị M được ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về quan hệ con chung:* Chị M và anh L có 02 con chung là Nguyễn Thành T, sinh năm 2000 và Nguyễn Thu T1, sinh năm 2004 ; hiện hai cháu đã trưởng thành nên HĐXX không giải quyết về con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) **theo biên lai thu số 0001783 ngày 18/4/2025** của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị M đã nộp đủ án phí

3. Về quyền kháng cáo: Chị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xét xử sơ thẩm.

Anh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- UBND xã An Thượng, TP Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thị Yến**